TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 9 - 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Văn Sáng

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Dương Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, G các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị N sinh năm 1994; nơi cư trú cuối cùng: Thôn G, xã Q, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Đặng Văn T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đặng Văn T và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 20/11/2012. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn, chị N bỏ nhà đi từ năm 2014 đến

nay vẫn không trở về. Anh Đặng Văn T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị N, ngày 27/11/2017, Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định tuyên bố mất tích đối với chị Bùi Thị N. Nay, anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị N.

Về con chung: Anh Đặng Văn T khai anh và chị Bùi Thị N có 01 con chung là Đặng Thị Thảo M, sinh ngày 06/11/2012. Hiện anh T đang nuôi con. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Anh Đặng Văn T khai: Anh và chị Bùi Thị N không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện T đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là chị Bùi Thị N, song chị N đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu điều tra thể hiện quan hệ hôn nhân G anh Đặng Văn T và chị Bùi Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị N. Về con chung: Anh Đặng Văn T và chị Bùi Thị N có 01 con chung là Đặng Thị Thảo M, sinh ngày 06/11/2012. Từ khi chị N bỏ nhà đi đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung Đặng Thị Thảo M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Bùi Thị N đã được triệu

tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do song đã có quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án nhân dân huyện T đối với chị Bùi Thị N. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân G anh Đặng Văn T và chị Bùi Thị N được xác lập năm 2012 là hợp pháp. Tài liệu điều tra thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, sinh hoạt và nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Do mâu thuẫn, chị N bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay không trở về. Anh Đặng Văn T đã đi tìm kiếm chị N nhiều nơi nhưng không có kết quả. Tháng 6 năm 2017, anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị N. Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định tuyên bố mất tích số 13/2017/QDDS-ST ngày 27/11/2017 đối với chị Bùi Thị N. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân G anh T và chị N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho anh T và chị N được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Đặng Văn T và chị Bùi Thị N có 01 con chung tên Đặng Thị Thảo M sinh ngày 06/11/2012. Xét thấy từ khi chị N bỏ nhà đi cho đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thị Thảo M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Đặng Văn T khai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của chị N về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Đặng Văn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51;

khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn G anh Đặng Văn T và chị Bùi Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thị Thảo M sinh ngày 06/11/2012 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009261 ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố hải Phòng. Anh Đặng Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đặng Văn T và chị Bùi Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Q, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đông **Ngô Thị Thu Hà** **Lương Ngọc Anh**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi .. giờ … phút, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thu Hà

2. Ông Nguyễn Văn Đông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 828/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" G:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T (tên gọi khác là Nguyễn Trọng Nguyên) sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Mẫn, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị N sinh năm 1980; nơi cư trú cuối cùng: Thôn Mỹ Giang, xã Kênh Giang, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (Không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn G anh Đặng Văn T (tên gọi khác là Nguyễn Trọng Nguyên) và chị Bùi Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Đặng Thị Thảo M sinh ngày 27/9/2002 và Nguyễn Thiện Chí sinh ngày 08/7/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp

luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008570 ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, anh Đặng Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đặng Văn T và chị Bùi Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Hà **Nguyễn Văn Đông** **Lương Ngọc Anh**